

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ I

TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM CƠ HỌC ĐẤT

M? H OC PHÀN : MEC - 316

HỌC KỲ	4
TÍN CHỈ	1
LẦN THI	1

Ngày thi: 28/05/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					20				25				55	100		
1	142211301	NGUYỄN ANH	TUẤN	K16XCD1	10				7				2	0.0	Khăng	
2	151214557	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
3	151214579	NGUYỄN NGỌC	THOAN	K16XCD1	10				6				7	7.4	Báý pháý Bảú	
4	151216130	NGUYỄN TIỀN	HUY	K16XCD1	10				7				4	6.0	Sầ	
5	151324930	NGUYỄN QUANG	VINH	K16XCD1	10				7				5.5	6.8	Sầ pháý Tầ	
6	151445310	HỒ THỊ KIM	NGÂN	K16XCD1	10				7.5				7.5	8.0	Tầ	
7	161156390	LÊ VIỆT	NY	K16XCD1	10				7				4	6.0	Sầ	
8	161215090	TRƯỜNG VĂN	CHÂU	K16XCD1	10				5				7	7.1	Báý pháý Mầ	
9	161215094	HỒ VĂN	ĐẠI	K16XCD1	10				7				7	7.6	Báý pháý Sầ	
10	161215098	NGUYỄN	ĐẠT	K16XCD1	10				7				4	6.0	Sầ	
11	161215104	TRẦN MẠNH	ĐỨC	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
12	161215108	NGÔ HOÀNG	DUY	K16XCD1	7.5				6				7.5	7.1	Báý pháý Mầ	
13	161215110	PHẠM	GIANG	K16XCD1	10				7				5	6.5	Sầ pháý Nầ	
14	161215111	HOÀNG	HẢI	K16XCD1	10				7.5				4	6.1	Sầ pháý Mầ	
15	161215118	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
16	161215120	LÊ NGỌC	HOÀNG	K16XCD1	10				8				8	8.4	Tầ pháý Bảú	
17	161215122	BÙI NGỌC	HOÀNG	K16XCD1	10				7.5				6.5	7.5	Báý pháý Nầ	
18	161215132	PHAN QUANG	HUY	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
19	161215133	HÀ QUỐC	KHÁNH	K16XCD1	10				7.5				6.5	7.5	Báý pháý Nầ	
20	161215141	NGUYỄN VĂN	LONG	K16XCD1	10				6.5				5	6.4	Sầ pháý Bảú	
21	161215144	NGUYỄN THỊ MAI	LY	K16XCD1	10				8				8.5	8.7	Tầ pháý Báý	
22	161215151	PHẠM HỒNG	NHÂN	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
23	161215156	NGUYỄN QUỐC	PHƯỚC	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầ pháý Sầ	
24	161215168	PHẠM PHÚC	QUỲNH	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
25	161215173	TRẦN VĂN	TÀI	K16XCD1	10				7.5				5.5	6.9	Sầ pháý Chề	
26	161215197	BẠCH VĂN	TRÍ	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầ pháý Sầ	
27	161215203	NGÔ VĂN	TUẤN	K16XCD1	5				5				HP	0.0	Khăng	
28	161215206	PHAN HỒ QUỐC	TUẤN	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầ pháý Sầ	
29	161216462	NGÔ QUỐC	ĐẠT	K16XCD1	10				7.5				8.5	8.6	Tầ pháý Sầ	
30	161216464	NGUYỄN VĂN	TRIỀU	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
31	161216564	ĐỖ THỊ THỦY	TIỀN	K16XCD1	10				7.5				5.5	6.9	Sầ pháý Chề	
32	161216731	TRỊNH XUÂN	TRƯỜNG	K16XCD1	10				7.5				4	6.1	Sầ pháý Mầ	
33	161216791	PHẠM NGỌC	THẠCH	K16XCD1	10				7.5				6	7.2	Báý pháý Hai	
34	161217068	ĐẶNG BẢO	KHIẾT	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầ pháý Sầ	
35	161217122	ĐỖ TRỌNG	HÙNG	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầ pháý Sầ	
36	161217123	LÊ MẠNH	LINH	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầ pháý Sầ	
37	161217124	V? MINH	NGỌC	K16XCD1	10				7.5				7.5	8.0	Tầ	
38	161217210	NGUYỄN PHÙNG MINH	HUY	K16XCD1	0				0				V	0.0	Khăng	
39	161217216	NGUYỄN VIỆT	VŨ	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
40	161217314	TRẦN VĂN	THƯƠNG	K16XCD1	10				7.5				5.5	6.9	Sầ pháý Chề	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XCD										HỌC KỲ		4	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM CƠ HỌC ĐẤT										TÍNH CHỈ		1	
Ngày thi: 28/05/2012				M? H ỌC PHẦN : MEC - 316										LẦN THI		1	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	161217384	PHẠM TÂN	TRUNG	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
42	161217385	VŨ CHÍ	TRUNG	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng		
43	161217484	HUỖNH DUY	PHU?NG	K16XCD1	10				7				5	6.5	Sầu pháy Nàm		
44	161217594	PHAN VĂN	NHÁT	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
45	161325635	LÊ ANH	TÀI	K16XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng		
46	162257255	TRẦN THANH	HU?NG	K16XCD1	10				7				4	6.0	Sầu		
47	162257349	PHAN NGỌC	CU?NG	K16XCD1	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
48	161135889	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	K16XCD2	10				8				4	6.2	Sầu pháy Hai		
49	161156424	NGÔ TÂN	VŨ	K16XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
50	161215080	TRẦN HÙNG	ANH	K16XCD2	5				4				5.5	5.0	Nàm		
51	161215093	NGUYỄN ĐÔNG	ĐẮC	K16XCD2	10				7.5				4	6.1	Sầu pháy Mắti		
52	161215097	TRỊNH QUỐC	ĐẠT	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
53	161215103	TRU?NG ĐỨC	ĐỨC	K16XCD2	10				7				5.5	6.8	Sầu pháy Tẳm		
54	161215105	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	K16XCD2	10				7				4	6.0	Sầu		
55	161215119	HÀ HUY	HOÀNG	K16XCD2	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bắu		
56	161215126	HUỖNH KIM	HÙNG	K16XCD2	10				7.5				4	6.1	Sầu pháy Mắti		
57	161215128	ĐỖ THỊNH	HU?NG	K16XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
58	161215130	HỒ BẢO	HUY	K16XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
59	161215131	TRẦN QUỐC	HUY	K16XCD2	10				7.5				5.5	6.9	Sầu pháy Chẻn		
60	161215135	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	K16XCD2	10				6.5				6	6.9	Sầu pháy Chẻn		
61	161215137	LÊ ANH	KHOA	K16XCD2	10				8				5	6.8	Sầu pháy Tẳm		
62	161215139	TRẦN VŨ	LINH	K16XCD2	10				7				5	6.5	Sầu pháy Nàm		
63	161215143	NGUYỄN Đ?NH	LONG	K16XCD2	10				7				5	6.5	Sầu pháy Nàm		
64	161215148	NGUYỄN QUANG	NGUYỄN	K16XCD2	5				4				5	4.8	Bắu pháy Tẳm		
65	161215150	TRẦN THANH	NHÂN	K16XCD2	10				7				6.5	7.3	Bắy pháy Ba		
66	161215159	NGUYỄN MINH	PHU?NG	K16XCD2	10				6.5				6	6.9	Sầu pháy Chẻn		
67	161215163	PHẠM HÀO	QUANG	K16XCD2	5				4.5				5	4.9	Bắu pháy Chẻn		
68	161215171	V? CÔNG	SƠN	K16XCD2	10				8				5.5	7.0	Bắy		
69	161215177	V? DUY	THÁI	K16XCD2	5				4.5				V	0.0	Khăng		
70	161215180	TRU?NG QUỐC	THÀNH	K16XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
71	161215181	ĐẶNG CÔNG	THÀNH	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
72	161215191	HUỖNH VĂN	TIẾN	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
73	161215196	HUỖNH DUY	TRÍ	K16XCD2	10				7.5				6	7.2	Bắy pháy Hai		
74	161215198	PHẠM TRẦN XUÂN	TRUNG	K16XCD2	10				7.5				5.5	6.9	Sầu pháy Chẻn		
75	161215200	PHẠM KHẮC	TRU?NG	K16XCD2	10				7.5				4	6.1	Sầu pháy Mắti		
76	161215204	NGUYỄN MINH	TUẤN	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
77	161215209	LÊ	TUẤN	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
78	161215210	HOÀNG NGỌC	TÙNG	K16XCD2	10				7.5				5.5	6.9	Sầu pháy Chẻn		
79	161215213	PHẠM MINH	TU?NG	K16XCD2	10				7.5				6.5	7.5	Bắy pháy Nàm		
80	161216562	NGUYỄN TIẾN	HUY	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
81	161216565	TRẦN THANH	VU?NG	K16XCD2	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bắu		
82	161216670	ĐINH QUANG	CHỨC	K16XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
83	161216730	HUỖNH NGÔ	PHONG	K16XCD2	10				7.5				5.5	6.9	Sầu pháy Chẻn		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XCD												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN:		THÍ NGHIỆM CƠ HỌC ĐẤT						HỌC KỲ		4		
				M? H ỌC PHẦN :		MEC - 316						TÍN CHỈ		1		
Ngày thi:				28/05/2012								LẦN THI		1		
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
84	161216857	TRỊNH VĂN LỢI	K16XCD2	5				0				HP	0.0	Khăng		
85	161216888	NGUYỄN VĂN MINH	K16XCD2	10				7.5				8	8.3	Tầm pháy Ba		
86	161216914	LÊ ĐỨC TÍN	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
87	161217121	TRƯỜNG HOÀNG TRỌI HIẾU	K16XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
88	161217126	V? THƯƠNG	K16XCD2	10				7				7	7.6	Báy pháy Sầu		
89	161217209	NGUYỄN TRẦN QUỐC ĐÔNG	K16XCD2	10				7.5				5	6.6	Sầu pháy Sầu		
90	161217211	HÀ VĨNH NGHĨA	K16XCD2	10				7.5				4	6.1	Sầu pháy Mất		
91	161217313	ĐINH HỮU TÂM	K16XCD2	10				7.5				6	7.2	Báy pháy Hai		
92	161217443	NGUYỄN THANH HÀ	K16XCD2	10				7.5				8.5	8.6	Tầm pháy Sầu		
93	161217554	LÊ VĂN PHƯỚC	K16XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
94	161217592	PHAN NGỌC DUY	K16XCD2	10				7.5				8.5	8.6	Tầm pháy Sầu		
95	161136687	BÙI SỸ HOÀNG	K16XCD3	10				8				4	6.2	Sầu pháy Hai		
96	161215082	L? HI ỀN ANH	K16XCD3	10				7.5				7.5	8.0	Tầm		
97	161215089	NGUYỄN THANH CHÂU	K16XCD3	10				7				5.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
98	161215096	ĐỖ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	K16XCD3	10				7.5				7	7.7	Báy pháy Báy		
99	161215101	TRẦN Đ?NH DIỆN	K16XCD3	10				8				5	6.8	Sầu pháy Tầm		
100	161215102	PHẠM TRUNG ĐỨC	K16XCD3	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bấu		
101	161215123	HỒ SỸ HOÀNG	K16XCD3	10				7.5				4	6.1	Sầu pháy Mất		
102	161215127	TRẦN TIẾN HÙNG	K16XCD3	10				5.5				4	5.6	Nằm pháy Sầu		
103	161215129	NGUYỄN ĐĂNG HUY	K16XCD3	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bấu		
104	161215136	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH	K16XCD3	10				5				0	0.0	Khăng		
105	161215140	HỒ TẤN LỘC	K16XCD3	0				0				HP	0.0	Khăng		
106	161215142	NGUYỄN VĂN LONG	K16XCD3	10				7				5.5	6.8	Sầu pháy Tầm		
107	161215147	V? THÀNH NAM	K16XCD3	10				7.5				0	0.0	Khăng		
108	161215149	NGUYỄN VĂN NHÂN	K16XCD3	10				6				6	6.8	Sầu pháy Tầm		
109	161215153	HOÀNG THỊ NHUNG	K16XCD3	10				7.5				7	7.7	Báy pháy Báy		
110	161215160	HOÀNG THỊ ANH PHƯƠNG	K16XCD3	10				7.5				7.5	8.0	Tầm		
111	161215172	TRẦN VĂN SỰ	K16XCD3	10				5.5				4	5.6	Nằm pháy Sầu		
112	161215178	ĐINH THỊ HỒNG THẮNG	K16XCD3	10				6.5				6	6.9	Sầu pháy Chèn		
113	161215187	NGUYỄN TẤN THOẠI	K16XCD3	10				6.5				4	5.8	Nằm pháy Tầm		
114	161215199	LÊ DUY TRUNG	K16XCD3	10				7				5	6.5	Sầu pháy Nằm		
115	161215208	MAI VĂN TUẤN	K16XCD3	10				5.5				5	6.1	Sầu pháy Mất		
116	161215212	NGUYỄN THANH TÙNG	K16XCD3	10				8				8.5	8.7	Tầm pháy Báy		
117	161215216	BÙI THANH VIỆT	K16XCD3	10				6.5				4	5.8	Nằm pháy Tầm		
118	161216460	NGUYỄN THANH CÔNG	K16XCD3	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bấu		
119	161216789	ĐẶNG QUỐC DŨNG	K16XCD3	10				7.5				6	7.2	Báy pháy Hai		
120	161216858	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	K16XCD3	10				6.5				8	8.0	Tầm		
121	161217028	LƯU QUANG HUY	K16XCD3	10				6.5				8.5	8.3	Tầm pháy Ba		
122	161217031	V? XUÂN TRUNG	K16XCD3	10				6.5				6	6.9	Sầu pháy Chèn		
123	161217032	TRỊNH HOÀN VŨ	K16XCD3	10				5.5				4	5.6	Nằm pháy Sầu		
124	161217289	NGUYỄN VĂN QUÍ	K16XCD3	10				5.5				5	6.1	Sầu pháy Mất		
125	161217328	NGUYỄN VĂN PHÚ	K16XCD3	10				5				7.5	7.4	Báy pháy Bấu		
126	161217382	NGUYỄN THANH HẢI	K16XCD3	10				5.5				0	0.0	Khăng		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
127	161217487	TRẦN CẢNH	TRƯỜNG	K16XCD3	10				5.5				4	5.6	Nằm pháy Sầu		
128	161217508	PHẠM ANH	TUẤN	K16XCD3	10				5.5				6	6.7	Sầu pháy Baý		
129	161217595	NGUYỄN NGỌC	QUANG	K16XCD3	10				5.5				4	5.6	Nằm pháy Sầu		
130	161217626	NGÔ TẤT	THỌ	K16XCD3	10				5.5				5.5	6.4	Sầu pháy Bấu		
131	161327399	TRƯỜNG QUANG	THUẬN	K16XCD3	10				5.5				6	6.7	Sầu pháy Baý		
132	161446169	ĐẬU QUỐC	NAM	K16XCD3	10				5.5				4	5.6	Nằm pháy Sầu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	106	80%	
2	Số sinh viên nợ	26	20%	
TỔNG CỘNG :		132	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 06 năm 2012

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú